

Bản án số: 23/2020/KDTM-ST
Ngày 28-9-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng
bảo lãnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Nguyễn Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2020/TLST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo lãnh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TV; địa chỉ: Số 89 đường A, phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông C, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 152 đường D, quận E, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 113/2020/UQ-VPB ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ngân hàng TV); có mặt.

- Bị đơn: Công ty HG; địa chỉ trụ sở: Số 737 đường 5 cũ, phường F, quận E, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà NLQ; chức vụ: Tổng Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NLQ, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 737 đường 5 cũ, phường F, quận E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TV (sau đây gọi tắt là TV) và Công ty HG (sau đây gọi tắt là Công ty) ký các Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số 271217-4276774-01-SME ngày 27/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 08/12/2017 và các khế ước nhận nợ số 271217-4276774-01-SME ngày 28/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 08/12/2017 để Công ty vay vốn tại TV. Tổng số tiền Công ty vay theo các hợp đồng trên là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; thời hạn vay 36 tháng; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay trên của Công ty tại TV: Bà NLQ đồng ý sử dụng các tài sản của mình để bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gồm nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty tại TV phát sinh từ các hợp đồng cho vay, văn bản tín dụng khác được ký giữa Công ty và TV (các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ, văn bản liên quan) theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 08/12/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 27/12/2017 với bà NLQ.

Theo đó, TV đã giải ngân cho Công ty tổng số tiền 500.000.000 đồng theo các khế ước nhận nợ số 271217-4276774-01-SME ngày 28/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 08/12/2017. Quá trình thực hiện các hợp đồng, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với TV từ ngày 26/11/2018. TV đã đôn đốc Công ty nhiều lần về việc thanh toán nợ nhưng Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Do đó, TV có đơn khởi kiện tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, TV rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi 14.738.737 đồng và đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty HG phải trả cho Ngân hàng TV tổng số tiền nợ theo các Hợp đồng cho vay từng lần số 271217-4276774-01-SME ngày 27/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 28/12/2017 và các khế ước nhận nợ số 271217-4276774-01-SME ngày 28/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 08/12/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2020 là 527.390.213 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc 328.790.900 đồng; tiền nợ lãi 198.599.313 đồng.

2. Công ty HG tiếp tục phải trả khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng TV, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trong trường hợp Công ty HG không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TV, buộc bà NLQ phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty HG theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ký ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa Ngân hàng TV với bà NLQ.

4. Trong trường hợp Công ty HG không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TV thì Ngân hàng TV có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty HG và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án làm việc. Do đó, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai không có lý do.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 292, 293, 335, 336, 339, 342, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2020 theo các hợp đồng cho vay từng lần là 527.390.213 đồng (gốc 328.790.900 đồng, lãi 198.599.313 đồng). Bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc nói trên kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay từng lần.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký. Trường hợp bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi 14.738.737 đồng.

Bị đơn phải nộp án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí 12.268.000 đồng. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:
- + Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án Kinh doanh thương mại tranh chấp về các Hợp đồng cho vay theo từng lần giữa nguyên đơn là Ngân hàng TV và bị đơn là Công ty HG khởi kiện trong thời hạn luật định. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại số 737 đường 5 cũ, phường F, quận E, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- + Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Nhưng họ đều vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của họ là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:
- + Xét tính hợp pháp của các hợp đồng cho vay theo từng lần:

[3] Các Hợp đồng cho vay theo từng lần số 271217-4276774-01-SME ngày 27/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 28/12/2017 được ký giữa các chủ thể tham gia có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên các hợp đồng là hợp pháp theo quy định tại các điều 116, 117, 119 Bộ luật Dân sự và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

- + Xét việc thực hiện các hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[4] Quá trình thực hiện các hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay theo thỏa thuận, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như cam kết. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 2 của các Hợp đồng cho vay từng lần và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo các hợp đồng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử 28/9/2020. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 328.790.900 đồng.

+ Xét yêu cầu trả tiền nợ lãi:

[5] Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay tại các hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo các bên cam kết trong hợp đồng, phù hợp với chính sách lãi suất của TV trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, xác định: Tính đến ngày xét xử 28/9/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ lãi 198.599.313 đồng. Xét, cần chấp nhận yêu cầu trả tiền nợ lãi như trên của nguyên đơn đối với bị đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

+ Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về khoản tiền phạt chậm trả lãi 14.738.737 đồng:

[6] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút tại phiên tòa.

+ Đối với yêu cầu giải quyết biện pháp bảo đảm tiền vay của nguyên đơn:

[7] Xét các Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 08/12/2017, số 01/HĐBL ngày 27/12/2017 giữa TV và bà NLQ đã được các bên tự nguyện ký, tuân thủ quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho TV thì TV có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là bà NLQ có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty tại các Hợp đồng cho vay từng lần số 271217-4276774-01-SME ngày 27/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 08/12/2017 để thu hồi nợ. Vì vậy, yêu cầu giải quyết biện pháp bảo đảm tiền vay trên của TV là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

[8] Từ những phân tích và đánh giá trên, nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

+ Về án phí:

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là: 20.000.000 đồng + 4% phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng (527.390.213 đồng - 400.000.000 đồng) = 25.095.600 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.268.000 đồng.

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

[10] Việc yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo các hợp đồng cho vay từng lần các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận mức lãi suất phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, nên cần chấp nhận.

+ Về quyền kháng cáo:

[11] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 119, 274, 275, 280, 292, 293, 335, 336, 339, 342, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 2 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1.1. Buộc Công ty HG phải trả cho Ngân hàng TV tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2020 theo các Hợp đồng cho vay từng lần số 271217-4276774-01-SME ngày 27/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 28/12/2017 và các khế ước nhận nợ số 271217-4276774-01-SME ngày 28/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 08/12/2017, với tổng số tiền là 527.390.213 đồng; trong đó:

Nợ gốc: 328.790.900 đồng;

Nợ lãi: 198.599.313 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp Công ty HG không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TV, thì Ngân hàng TV có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là bà NLQ phải có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty HG tại các Hợp đồng cho vay từng lần số 271217-4276774-01-SME ngày 27/12/2017, số 071217-4276774-01-SME ngày 28/12/2017 theo các Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 08/12/2017, số 01/HĐBL ngày 27/12/2017.

1.3. Trường hợp Công ty HG không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TV, thì Ngân hàng TV có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

1.4. Trong trường hợp Công ty HG, bà NLQ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TV, thì Ngân hàng TV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TV về việc buộc Công ty HG phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 14.738.737 (mười bốn triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi bảy) đồng.

3. Về án phí:

Công ty HG phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 25.095.600 (hai mươi lăm triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm) đồng.

Ngân hàng TV được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 12.268.000 (mười hai triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009969 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng TV có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty HG, bà NLQ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến